TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bồ Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Kim N, sinh năm 2001; Căn cước công dân: 087301008771; địa chỉ: Nhà T, tổ G, khu phố D, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Phú H, sinh năm 2002; Căn cước công dân: 077202009534; địa chỉ: Công ty TNHH A, số A đường C, khu công nghiệp V, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Kim N và ông Trần Phú H tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) vào năm 2024. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại địa bàn thành phố T (nay là phường T) cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc

sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng không có sự tôn trọng, không có sự tin tưởng nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà N không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 05 tháng 8 năm 2025, bị đơn ông Trần Phú H trình bày:

Bị đơn thống nhất như trình bày của nguyên đơn về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân. Ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nhưng không đồng ý ly hôn. Về con chung thống nhất như trình bày của nguyên đơn không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Trịnh Kim N và ông Trần Phú H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Kim N và ông Trần Phú H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) vào năm 2024, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 29/10/2024 nên quan hệ hôn nhân của bà Trịnh Kim N và ông Trần Phú H là hợp pháp.

Bà Trịnh Kim N xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự tin tưởng, ông H không chăm lo cho gia đình, mẫu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà N không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông H. Bản thân ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng lại vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ bị đơn không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trịnh Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Kim N được ly hôn với ông Trần Phú H (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) cấp ngày 29/10/2024).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005629 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- PTHADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết